TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM – ST
Ngày 30 -6 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên **tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Huy Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST – KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST - KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S (gọi tắt là S).

Địa chỉ: Số 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang Hiển - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hồng Hải – Chức vụ: Phó giám đốc - Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Vĩnh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền số: 07/2022/VBUQ-S ngày 10/01/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Hoàng Long – Chức vụ: Chuyên viên bán nợ và tài sản bảo đảm xử lý nợ, (Theo giấy ủy quyền số: 04/UQ – S.VP ngày 22/02/2023), (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn H, sinh năm 1963 và bà Cao Thị T, sinh năm 1971, (Ông H vắng mặt, bà T có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Cao Thị T, sinh năm 1971, (Có

mặt).

(Theo giấy củy quyền ngày 09 tháng 5 năm 2023).

Địa chỉ đều ở: Ngõ 11, phố A, phường H, Phường H, thành phố V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Lê Hoàng Long trình bày:

Ngày 03/07/2013, Ngân hàng Thương mại cổ phần S(gọi tắt là S) - Chi nhánh Vĩnh Phúc cùng ông Phùng Văn H và bà Cao Thị T có ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 với nội dung: Ngân hàng S cho vợ chồng ông H, bà T vay số tiền là 720.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 03/7/2013 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/7/2018; trả nợ lãi vào ngày 25 (dương lịch) hàng tháng; lãi suất được quy định theo khế ước nhận nợ là 14,2%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm: Để đảm bảo cho khoản vay trên Ngân hàng S và vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/07/2013 là quyền sử dụng 144,5 m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất Tộc thửa đất số 63, tờ bản đồ 32; địa chỉ: Ngõ 11, phố An Phú, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 688031 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/10/2010 cho ông Phùng Văn H và bà Cao Thị T.

Do quá trình thực hiện khoản vay, ông H và bà T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo như thỏa Tận với Ngân hàng S. Ngân hàng S đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông H, bà T trả nợ nhưng ông bà đều không thực hiện. Do vậy, Ngân hàng S đã khởi kiện ông H, bà T đến Tòa án.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng S yêu cầu ông H, bà T phải có nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền gốc, lãi và phí phạt tính đến ngày 31/01/2023 là 2.580.190.963 đồng, trong đó tiền gốc là 720.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phạt là: 1.860.190.963 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2023 theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP ngày 03/7/2013 và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 ông H, bà T đã ký với Ngân hàng S.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng S chỉ yêu cầu vợ chồng ông H, bà T trả nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, không yêu cầu chịu tiền phí phạt. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2023 tổng số tiền gốc và lãi là 1.972.288.736 đồng; trong đó nợ gốc là 720.000.000 đồng; nợ lãi là 1.252.288.736 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 371.911.600đồng, lãi quá hạn là 880.377.136 đồng. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm nếu ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu ông H, bà T phải trả lãi theo quy định của pháp luật là 10%/ năm trên số tiền nợ gốc chậm trả.

Trường hợp ông H, bà T không trả được nợ cho Ngân hàng S thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 144,5m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 32; địa chỉ: Ngõ 11, phố An Phú, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 688031 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/10/2010 đứng tên ông Phùng Văn H và bà Cao Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2013.

Toàn bộ số tiền T được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên của ông H, bà T đối với Ngân hàng S. Nếu số tiền T được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả hết khoản nợ, thì ông H, bà T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S.

** Bị đơn bà Cao Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phùng Văn H trình bày:*

Bà thừa nhận ngày 03/7/2013 vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (gọi tắt là S), chi nhánh Vĩnh Phúc để vay số tiền gốc là 720.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên ngày 03/7/2013; lãi suất tại thời điểm vay là 14,2%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn như Ngân hàng S trình bày là đúng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Vợ chồng bà đã thế chấp cho Ngân hàng S quyền sử dụng đất với diện tích là 144,5m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ sồ 32; địa chỉ: Tổ dân phố An Phú, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng bà. Bà xác nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất Tộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của vợ chồng bà.

Từ khi vay đến nay vợ chồng bà chưa trả được cho Ngân hàng S khoản tiền gốc và lãi nào. Bà thừa nhận từ thời điểm vay ngày 03/7/2013 đến thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 03/7/2018 thì Ngân hàng S thường xuyên có thông báo và đến nhà yêu cầu vợ chồng bà trả nợ theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm từ sau tháng 7 năm 2018 đến khi khởi kiện đến Tòa án. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của gia đình bà những năm gần đây gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bà đều khất nợ với Ngân hàng S.

Với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, bà có ý kiến như sau: Do hoàn cảnh kinh tế gia đình những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, bà đề nghị Ngân hàng S cho vợ chồng bà trả toàn bộ số tiền gốc là 720.000.000 đồng và xin được trả tiền gốc trong thời hạn 04 năm. Còn số tiền lãi vợ chồng bà xin được trả số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại đề nghị Ngân hàng S xem xét cho vợ chồng bà được miễn. Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ đúng như cam kết ở trên thì đồng ý để Ngân hàng S xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay trên theo quy định của pháp luật.

Bà xác nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2023 vợ chồng bà còn nợ tổng số tiền gốc và tiền lãi là 1.972.288.736 đồng; trong đó nợ gốc 720.000.000 đồng; tổng tiền lãi là 1.252.288.736 đồng, trong đó lãi trong hạn là 371.911.600đồng, lãi quá hạn là 880.377.136 đồng và lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc chậm trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm nếu vợ chồng bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp tại phiên tòa Ngân hàng S không đồng ý cho vợ chồng bà khất nợ và miễn một phần tiền lãi như ý kiến bà trình bày ở trên thì bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 319, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 357 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị định số:

163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm"; Nghị định số: 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội đối với vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

+ Buộc vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP ngày 03/7/2013 và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2023 là 1.972.288.736 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng); trong đó nợ gốc là 720.000.000 đồng (Bảy trăm, hai mươi triệu đồng); tổng số tiền lãi là 1.252.288.736 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 371.911.600đồng, nợ lãi quá hạn là 880.377.136 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/7/2013, nếu vợ chồng ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền nợ gốc chậm trả.

+ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của vợ chồng ông H, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội để T hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2013 cụ thể: Quyền sử dụng 144,5 m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 32; địa chỉ: Ngõ 11, phố An Phú, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 688031 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/10/2010 cho ông Phùng Văn H và bà Cao Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/07/2013 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội với ông H, bà T. Số đo diện tích đất và tài sản trên đất cụ thể (có sơ đồ kèm theo bản án).

Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo nhưng chưa đủ để trả nợ thì vợ chồng ông H, bà T phải tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.

+ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T có hộ khẩu thường trú tại: Phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần S – chi nhánh Vĩnh Phúc (gọi tắt là S) là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, được thực hiện các hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng…theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 03/7/2013, Ngân hàng S và ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP và khế ước nhận nợ với nội dung Ngân hàng S cho vợ chồng ông H, bà T vay số tiền là 720.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 03/7/2013, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/7/2018. Do vợ chồng ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà T phải trả nợ theo thỏa Tận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013.

Theo quy định của pháp luật thì thời hạn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày hết hạn hợp đồng vay cụ thể là ngày 04/7/2018 đến ngày 04/7/2021. Nhưng đến ngày 05/4/2023 Ngân hàng S mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại Tòa các đương sự đều thừa nhận, kể từ khi vợ chồng ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S thường xuyên thông báo về việc trả nợ gốc và lãi theo thời hạn định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhưng phía bị đơn đều xin Ngân hàng S cho khất toàn bộ tiền gốc và tiền lãi còn nợ. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Bộ luật dân sự thì "*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án*

cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việ". Do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về số tiền lãi và Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cả tiền gốc, tiền lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 nên quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa Ngân hàng S với vợ chồng ông H, bà T phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng từ năm 2013. Do vợ chồng ông H, bà T vi phạm thỏa Tận trả nợ, đến ngày 05 tháng 4 năm 2023 Ngân hàng S làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về nội dung khởi kiện:

- *Về hiệu lực của hợp đồng:* Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP ngày 03/7/2013; khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2013 được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc, số công chứng 1639, quyển số: 17 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/07/2013 đều được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các chủ thể ký kết đều đúng thẩm quyền và có đủ năng lực hành vi dân sự; hình thức hợp đồng tuân thủ đúng quy định của pháp luật; mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. Đây là thỏa Tận phù hợp với ngành, nghề kinh doanh được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh ông Phùng Văn H. Các điều khoản trong hợp đồng không vi pạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đều không có ý kiến gì đối với các văn bản trên.

Vì vậy, hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP ngày 03/7/2013; khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2013 được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc, số công chứng 1639, quyển số: 17 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/07/2013 giữa Ngân hàng S với vợ chồng ông H, bà T đều hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

- *Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:* Theo nội dung hợp đồng tín ngày 03/07/2013 và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 thì Ngân hàng S đã giải ngân đủ cho vợ chồng ông H, bà T vay tổng số tiền gốc là 720.000.000 đồng; lãi suất được quy định theo khế ước nhận nợ là 14,2%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ ngày 03/7/2013. Đây là khoản vay có kỳ hạn, có lãi.

Đến thời hạn trả nợ vợ chồng ông H, bà T không trả được cho Ngân hàng S khoản tiền nợ gốc nào. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng S buộc ông H, bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

- *Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi:* Tại hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP ngày 03/7/2013 và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 các bên thỏa Tận: Lãi suất được quy định theo khế ước nhận nợ là 14,2%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn và lãi suất phạt trên số tiền lãi chưa thanh toán đúng hạn.

Đối với số tiền lãi phạt: Tại đơn khởi kiện Ngân hàng S yêu cầu ông H, bà T phải trả tiền phí phạt với số tiền là 666.843.527đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa Tận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*". Thấy rằng, trong thỏa Tận của hợp đồng tín dụng trên thì các bên vừa thỏa Tận phạt vi phạm, vừa có thỏa Tận lãi suất trên nợ gốc quá hạn nên Ngân hàng S không được yêu cầu bị đơn cùng một lúc phải trả cả tiền lãi quá hạn trên nợ gốc và yêu cầu lãi suất phạt. Do quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng S không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi suất phạt và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu trên.

Xét việc thỏa Tận về tính lãi trong hạn và lãi quá hạn của các bên trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 đều phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, cần chấp nhận số tiền lãi như Ngân hàng S đã yêu cầu bị đơn phải trả với tổng số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2023 là 1.252.288.736 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 371.911.600đồng, nợ lãi quá hạn là 880.377.136 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thống nhất, phía bị đơn đồng ý về việc Ngân hàng S yêu cầu kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/7/2023 nếu ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông H, bà T phải chịu tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm trên số tiền gốc chưa trả. Thấy rằng, yêu cầu trên của Ngân hàng S và sự thống nhất của các đương sự phù hợp với các quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:* Ông Phùng Văn H và bà Cao Thị T đã thế chấp tài sản Tộc quyền sở hữu hợp pháp của mình tại Ngân hàng S để đảm bảo cho khoản vay trên của mình, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng 144,5m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 32; địa chỉ: Ngõ 11, phố An Phú, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 688031 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/10/2010 cho ông Phùng Văn H và bà Cao Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2013.

Qua xem xét thẩm định thửa đất có diện tích là 144,5m^2 bằng với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất trên đã được phân định ranh giới bằng tường nhà, tường bao loan và cổng với các hộ liền kề và ngõ đi chung, không xảy ra tranh chấp với các hộ liên kề và không lấn chiếm ra đất công. Trên thửa đất có các tài sản gồm: 01 nhà 02 tầng và 01 tầng áp mái có tổng diện tích là 175,6m^2, trong đó: Diện tích sàn tầng 01 gồm cả nhà vệ sinh phía sau là 83,0m^2; diện tích sàn tầng 02 là 90,6m^2; 01 sân lát gạch đỏ phía trước nhà 02 tầng có diện tích 56,0m^2; 01 sân láng xi măng sau nhà 02 tầng có diện tích là 3,3m^2; 01 cây sấu phía giáp cổng đi vào nhà đường kính cách gốc 01m là 40cm; 02 trụ cổng rộng 0,50m x 0,50m, cao 3,0m; 02 cánh cổng sắt + mái cổng lợp ngói; Tường xây gạch chỉ trát 02 mặt rộng 0,15m, cao 1,9m, dài 8,67m.

Diện tích đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,1 cụ thể: Cạnh 1-2 = 0,46m; cạnh 2-3 = 12,79m;cạnh 3-4= 2,82m; cạnh 4-5= 3,56m; cạnh 5-6 = 7,68m; cạnh 6-7 = 20,05m; cạnh 7 – 1 = 6,58m.

Qua xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của ông H, bà T đều xác nhận: Thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ ông H cho vợ chồng ông H. Đến năm 2010 vợ chồng ông H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiến hành xây dựng các tài sản trên đất từ năm 2010, tại thời điểm xây dựng các công trình trên đất các con ông H, bà T còn nhỏ đang trong độ tuổi đi học nên không có công sức đóng góp gì để tạo dựng lên các tài sản trên.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp được lập tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc, số công chứng 1639, quyển số: 17 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2013 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vĩnh Yên theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đáp ứng đủ điều kiện về chủ thể ký hợp đồng, nội dung, thủ tục và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành với các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S về việc Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày

03/7/2013 đã ký để T hồi nợ cho Ngân hàng S nếu ông H, bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo bản án của Tòa án.

Toàn bộ số tiền T được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên của ông H, bà T đối với Ngân hàng S. Nếu số tiền T được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả hết khoản nợ, thì ông H, bà T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được chấp nhận toàn bộ, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tranh chấp trong vụ án này được áp dụng có giá ngạch. Theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể án phí sơ thẩm là: 1.972.288.736 đồng = 36.000.000 đồng + (1.172.288.736 đồng x 3% = 35.168.662 đồng (làm tròn thành 35.169.000 đồng) = 71.169.000 đồng.

Do các bên không thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H, bà T phai chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 71.169.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội. Xác nhận Ngân hàng S đã nộp đủ và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 319, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 357 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị định số: 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm"; Nghị định số: 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội đối với vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 109/2013/HĐTDTDH-CN/S.ViP ngày 03/7/2013 và khế ước nhận nợ ngày 03/7/2013 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2023 là 1.972.288.736 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng); trong đó nợ gốc là 720.000.000 đồng (Bảy trăm, hai mươi triệu đồng); tổng số tiền lãi là 1.252.288.736 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 371.911.600đồng, nợ lãi quá hạn là 880.377.136 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/7/2023 nếu vợ chồng ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền nợ gốc chậm trả.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của vợ chồng ông H, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội để T hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2013 là: Quyền sử dụng 144,5 m^2 đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 32; địa chỉ: Ngõ 11, phố An Phú, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 688031 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/10/2010 cho ông Phùng Văn H và bà Cao Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/07/2013 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội với ông H, bà T.

Qua đo đạc thực tế diện tích là 144,5m^2 bằng với diện tích đất được cấp

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,1 cụ thể: Cạnh 1-2 = 0,46m; cạnh 2-3 = 12,79m; cạnh 3-4= 2,82m; cạnh 4-5= 3,56m; cạnh 5-6 = 7,68m; cạnh 6-7 = 20,05m; cạnh 7-1 = 6,58m. Trên thửa đất có các tài sản gồm: 01 nhà 02 tầng và 01 tầng áp mái có tổng diện tích là 175,6m^2, trong đó: Diện tích sàn tầng 01 gồm cả nhà vệ sinh phía sau là 83,0m^2; diện tích sàn tầng 02 là 90,6m^2; 01 sân lát gạch đỏ phía trước nhà 02 tầng có diện tích 56,0m^2; 01 sân láng xi măng sau nhà 02 tầng có diện tích là 3,3m^2; 01 cây sấu phía giáp cổng đi vào nhà đường kính cách gốc 01m là 40cm; 02 trụ cổng rộng 0,50m x 0,50m, cao 3,0m; 02 cánh cổng sắt + mái cổng lợp ngói; tường xây gạch chỉ trát hai mặt rộng 0,15m, cao 1,9m, dài 8,67m. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án).

Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo nhưng chưa đủ để trả nợ thì vợ chồng ông H, bà T phải tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phùng Văn H, bà Cao Thị T phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại là 71.169.000 đồng (Bảy mốt triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.802.000 đồng (Bốn mốt triệu, tám trăm linh hai nghìn đồng) theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số: 0004828 ngày 12/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung